

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện
Đề án “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” năm 2011**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNN-TC ngày 21/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” năm 2011 (có kế hoạch chi tiết đính kèm) với tổng kinh phí là 450 triệu đồng (*Bốn trăm năm chục triệu đồng chẵn*);

Điều 2. Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch và sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Cao Đức Phát (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu VT,KTHT.



KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” năm 2011
(Kèm theo Quyết định số 229 /QĐ-BNN-KTHT ngày 16 /02/2011)**

I. MỤC TIÊU.

1. Hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan thường trực triển khai Đề án theo phân công của Chính phủ;
2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, dự án và nhiệm vụ năm 2011 được Ban Chỉ đạo phân công.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH.

1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ phân công tại Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ;
2. Đôn đốc các ngành, địa phương báo cáo, tổng hợp và xây dựng báo cáo định kỳ theo quy định, trình Thủ tướng Chính phủ;
3. Kiểm tra, chỉ đạo thực hiện mô hình thí điểm 11 xã theo phân công của Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Trung ương;
4. Nghiên cứu, rà soát và đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập ở các xã điểm của Ban Bí thư;
5. Tổ chức các Hội nghị, hội thảo
 - Hội thảo Ban chỉ đạo;
 - Hội thảo về phát triển sản xuất của 11 xã điểm
 - Hội nghị sơ kết.
6. Khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kế hoạch triển khai

TT	Nội dung hoạt động	Số lượng	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
	TỔNG	-	450.000		
1	Hội nghị, hội thảo		150.000		
	Hội thảo Ban Chỉ đạo	8 cuộc	48.000	Các quý	Cục KTHT
	Hội thảo về tổ chức và phát triển sản xuất ở 11 xã điểm	01 cuộc	57.000	Quý II	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
	Hội nghị sơ kết	01 cuộc	30.000	Quý III	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
	Hội nghị tổng kết	01 cuộc	15.000	Quý IV	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
2	Kiểm tra, chỉ đạo thực hiện ở cơ sở		143.000	Cả năm	
	Miền Bắc	04 chuyến	66.000	Cả năm	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
	Miền Nam	03 chuyến	77.000	Cả năm	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
3	Nghiên cứu chính sách và xây dựng đề án rà soát, đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập ở các xã điểm của Ban Bí thư		127.000	Cả năm	Cục KTHT, các đơn vị liên quan
4	Mua sắm		25.000		Cục KTHT
	Trang thiết bị làm việc		15.000	Quý II	
	Văn phòng phẩm		10.000	Cả năm	
5	Chi khác (làm thêm giờ, thông tin liên lạc, điện nước...)		5.000		Cục KTHT

2. Nguồn kinh phí: Sử dụng kinh phí sự nghiệp Bộ Tài chính đã bố trí cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện Đề án “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” trong kế hoạch năm 2011.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính lập dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung kế hoạch đã được phê duyệt.
- Phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án ở địa phương;
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn 11 mô hình xã điểm của Ban Bí thư theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương;
- Tổ chức triển khai đề án nghiên cứu rà soát và đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập ở 11 xã điểm;
- Chủ trì, phối hợp xây dựng văn bản hướng dẫn theo phân công của Lãnh đạo Bộ;
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo;
- Quyết toán kinh phí với Vụ Tài chính.

2. Vụ Tài chính

- Thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí;
- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng quy định của Nhà nước;
- Tổng hợp quyết toán với Bộ Tài chính;
- Thực hiện nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Bộ phân công./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Hồ Xuân Hùng

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện dự án "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn"

(Kèm theo Quyết định số 02/Đ-BNN-TC ngày 16 tháng 02 năm 2011)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	HỘI NGHỊ, HỘI THẢO				150,520,000	
1	Hội thảo Ban chỉ đạo (35 người x 1 buổi x 8 cuộc)	Buổi	8		47,640,000	
-	Chủ trì (1 người x 1 buổi x 8 cuộc)	Buổi	8	200,000	1,600,000	
-	Thư ký (1 người x 1 buổi x 8 cuộc)	Buổi	8	150,000	1,200,000	
-	Đại biểu tham dự (35 người x 1 buổi x 8 cuộc)	Buổi	280	100,000	28,000,000	
-	Nước uống (37 người x 8 cuộc)	Người	296	15,000	4,440,000	
-	Phó tá, văn phòng phẩm (37 bộ x 8 cuộc)	Người	296	40,000	11,840,000	
-	Bồi dưỡng phục vụ (1 người x 8 cuộc)	Người	8	70,000	560,000	
2	Hội thảo về phát triển sản xuất 11 xã điểm (1 ngày/2 buổi, 100 đại biểu dự kiến tại phía Bắc)				57,150,000	
	Hội trường, hoa, loa đài, khẩu hiệu...	Ngày	1	3,500,000	3,500,000	
	Thuê máy chiếu, màn	Ngày	1	500,000	500,000	
	Chủ trì hội thảo (1 người x 1 ngày x 1 cuộc/2 buổi)	buổi	2	200,000	400,000	
	Thư ký (1 người x 1 ngày/buổi)	buổi	2	150,000	300,000	
	Đại biểu tham dự (100 người x 1 ngày x 1 cuộc/2 buổi)	người	200	100,000	20,000,000	
	Hỗ trợ tiền ăn đại biểu không hưởng lương (11 người x 2 ngày)	ngày	22	100,000	2,200,000	
	Hỗ trợ tiền ngủ đại biểu không hưởng lương (11 người x 1 đêm)	đêm	11	200,000	2,200,000	
	Hỗ trợ tiền xe đi lại đại biểu không hưởng lương (11 người)	người	11	200,000	2,200,000	
	Tham luận	Bài	5	400,000	2,000,000	
	Nước uống (102 người x 1 ngày/2 buổi)	Người	102	30,000	3,060,000	
	Pho to, VPP	Người	102	40,000	4,080,000	
	Phục vụ	Người	3	70,000	210,000	
	Làm thêm giờ BTC và phục vụ chuyên môn (7 người x 2 ngày)	Người	14	200,000	2,800,000	
	Tiền ngủ (7 người x 2 đêm x 1 chuyến)	Đêm	14	200,000	2,800,000	
	Công tác phí (7 người x 3 ngày x 1 chuyến)	Ngày	21	100,000	2,100,000	
	Thuê xe đi lại của BTC, đại biểu tỉnh xa	Km	1100	8,000	8,800,000	
3	Hội nghị sơ kết (1 ngày/2 buổi, 100 đại biểu dự kiến tại Việt Trì)				31,310,000	
	Chủ trì hội nghị (1 người/2 buổi)	người	2	200,000	400,000	
	Thư ký hội nghị (1 người x 2 buổi)	người	2	150,000	300,000	
-	Hội trường, hoa, loa đài, khẩu hiệu...	Ngày	1	3,500,000	3,500,000	
-	Thuê máy chiếu, màn	Ngày	1	500,000	500,000	
-	Tham luận	Bài	5	400,000	2,000,000	
-	Nước uống (72 người x 1 ngày/2 buổi)	Người	102	30,000	3,060,000	
-	Pho to, VPP	Người	102	40,000	4,080,000	

Thông tư
97/2010/
TT-BTC

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Phục vụ (3 người x 1 ngày/2 buổi)	Người	6	70,000	420,000	
-	Bồi dưỡng làm thêm giờ BTC và phục vụ chuyên môn (7 người x 2 ngày)	Người	14	200,000	2,800,000	
-	Tiền ngủ (7 người x 2 đêm x 1 chuyến)	Đêm	14	200,000	2,800,000	
-	Công tác phí (7 người x 3 ngày x 1 chuyến)	Ngày	21	100,000	2,100,000	
	Thuê xe đi tham quan mô hình	Km	1000	8,000	8,000,000	
-	Tiền xe đi lại của BTC (300 km x 0,25)	Lít	75	18,000	1,350,000	
4	Hội nghị tổng kết (1ngày x 2 buổi x 150 đại biểu dự kiến tại Hà Nội)				14,420,000	
	Chủ trì hội nghị (1 người x 2 buổi)	người	2	200,000	400,000	
	Thư ký hội nghị (1 người x 2 buổi)	người	2	150,000	300,000	
	Photo, VPP	bộ	152	40,000	6,080,000	
	Bồi dưỡng làm thêm giờ BTC và phục vụ chuyên môn (7 người x 2 ngày)	Người	14	200,000	2,800,000	Thông tư 97/2010/TT-BTC
	Nước uống	người	152	30,000	4,560,000	
	Phục vụ (2 người x 1 ngày x 2 buổi)	người	4	70,000	280,000	
II	KIỂM TRA, CHỈ ĐẠO				142,600,000	
1	Tại miền Bắc (4 chuyến)				66,000,000	
-	Công tác phí (6 người x 5 ngày x 4 chuyến)	Ngày	120	100,000	12,000,000	
-	Tiền ngủ (6 người x 4 đêm x 4 chuyến)	Đêm	96	200,000	19,200,000	
-	Xăng xe ô tô (1200 km x 2 chuyến x 0,25)	lít	600	18,000	10,800,000	
-	Thuê xe ô tô (1500 km x 2 chuyến)	Km	3000	8,000	24,000,000	
2	Tại miền Nam (3 chuyến)				76,600,000	
-	Công tác phí (4 người x 7 ngày x 3 chuyến)	Ngày	84	100,000	8,400,000	
-	Tiền ngủ (4 người x 4 đêm x 3 chuyến)	Đêm	48	200,000	9,600,000	
-	Thuê xe ô tô (1200 km x 3 chuyến)	Km	3600	8,000	28,800,000	
-	Vé máy bay HN-TPHCM-HN (3 vé* 1 chuyến)	Vé	3	4,100,000	12,300,000	
-	Vé tàu HN-TPHCM-HN (3 vé* 2 chuyến)	Vé	6	2,500,000	15,000,000	
-	Chi khác: taxi...				2,500,000	
III	NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NÂNG CAO THU NHẬP Ở 11 XÃ ĐIỂM				127,310,000	
1	Công tác chuẩn bị				4,000,000	
-	Xây dựng đề cương tổng quát	Đ. Cương	1	1,000,000	1,000,000	
-	Xây dựng đề cương chi tiết	Đ. Cương	1	3,000,000	3,000,000	
2	Khảo sát thu thập thông tin tại các địa phương				74,700,000	
2.1.	Phía Bắc				50,400,000	
-	Công tác phí (3 đoàn x 3 người x 6 ngày)	Ngày	54	100,000	5,400,000	
-	Tiền ngủ (3 đoàn x 3 người x 5 đêm)	Đêm	45	200,000	9,000,000	
-	Thuê xe (1500 km x 3 đoàn)	Km	4,500	8,000	36,000,000	

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2.2.	Phía Nam				24,300,000	
-	Vé tàu HN-HC	Vé	3	2,500,000	7,500,000	
-	Thuê xe (120km)	Km	1,200	8,000	9,600,000	
-	Công tác phí (1 ngày x 2 người)	Ngày	27	100,000	2,700,000	
-	Tiền ngủ (1 đêm x 2 người x 2 ngày)	Đêm	15	200,000	3,000,000	
-	Chi khác: tắc xi...				1,500,000	
3	Nghiên cứu chuyên đề				21,000,000	
3.1.	CD 1: Nghiên cứu kết quả xây dựng nông thôn mới và thực trạng về phát triển sản xuất ở các điểm khảo sát	CD	1	7,000,000	7,000,000	
3.2.	CD 2: Nghiên cứu, đánh giá thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập ở các điểm khảo sát	CD	1	7,000,000	7,000,000	
3.3.	CD3: Định hướng và giải pháp để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập ở 11 xã điểm	CD	1	7,000,000	7,000,000	
4	Xây dựng đề án	Đề án	1	12,000,000	12,000,000	
5	Hội thảo về nội dung đề án (02 cuộc, 25 ĐB/cuộc)				15,610,000	
-	Chủ trì hội thảo (1 người x 2 cuộc)	Người	2	200,000	400,000	
-	Thư ký hội thảo (1 người x 2 cuộc)	Người	2	150,000	300,000	
-	Đại biểu tham dự (25 người x 2 cuộc)	Người	50	100,000	5,000,000	
-	Báo cáo tham luận (3 báo cáo/cuộc x 2 cuộc)	Báo cáo	6	400,000	2,400,000	
-	Trang trí hội trường, hoa loa đài khẩu hiệu		2	1,000,000	2,000,000	
-	Nước uống (27 người x 2 cuộc)	Người	54	15,000	810,000	
-	VPP, Phở tở tài liệu (27 người x 2 cuộc)	Người	54	40,000	2,160,000	
-	Bồi dưỡng làm thêm giờ BTC và phục vụ chuyên môn (6 người x 2 ngày)	Người	12	200,000	2,400,000	
-	Phục vụ (1 người x 2 cuộc)	Người	2	70,000	140,000	
IV	MUA SẮM				24,600,000	
1	Máy tính để bàn (cả máy in)	bộ	1	9,000,000	9,000,000	
2	USB 3G	cái	2	700,000	1,400,000	
3	Mực máy in	hộp	6	700,000	4,200,000	
4	Văn phòng phẩm			10,000,000	10,000,000	
V	CHI KHÁC: Thông tin liên lạc...				4,970,000	
	TỔNG CỘNG				450,000,000	

(Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

T Tư
44/2007/
TTLT
-BTC-
BKHCN